TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Nguyễn Văn Điển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị PTPN; địa chỉ: Số 72, tổ dân phố A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh BVQ; địa chỉ: Số 13/66 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-8-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị PTPN trình bày:

Chị PTPN và anh BVQ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện G (nay là UBND phường B,

quận C), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, quyển số 01/2002, ngày 12-6-2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Mặt khác, do anh BVQ và chị PTPN không có con chung nên giữa hai bên không có sự ràng buộc tình cảm, trách nhiệm với nhau. Chị PTPN và anh BVQ đã sống ly thân từ năm 2006 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên chị PTPN đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị được ly hôn với anh BVQ theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị PTPN và anh BVQ không có con chung.

Về tài sản chung: Chị PTPN xác nhận hai bên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh BVQ không hợp tác, không đến Tòa án làm thủ tục theo quy định. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử) cho anh BVQ. Tuy nhiên, anh BVQ không tới Tòa án làm việc, không lấy được lời khai, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị PTPN.

Tại Đơn trình bày đề ngày 11-02-2020, ông H (bố đẻ chị PTPN) trình bày: Chị PTPN và anh BVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G (nay là phường B, quận C), thành phố Hải Phòng vào năm 2002. Trong quá trình chung sống, giữa chị PTPN và anh BVQ bất đồng quan điểm sống và tính cách nên phát sinh mẫu thuẫn. Mặt khác, giữa chị PTPN và anh BVQ không có con chung. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng dẫn đến tình cảm giữa hai bên không còn. Từ nhiều năm nay, chị PTPN và anh BVQ đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đối với chị PTPN khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh BVQ, ông Ngạn ủng hộ yêu cầu khởi kiện của chị PTPN.

Tại Biên bản xác minh ngày 13-02-2020, bà I (Tổ trưởng Tổ dân phố D 3, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng) xác nhận: Anh BVQ, sinh năm 1976, có ĐKHKTT và cư trú thường xuyên, ổn định tại số 13/66 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng từ khoảng 05 năm nay. Qúa trình sinh sống tại địa phương, anh BVQ không chung sống với chị PTPN. Do chị PTPN không sống tại địa chỉ trên nên bà Phương không nắm được nội dung việc liên quan đến vợ chồng anh BVQ, chị PTPN.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị PTPN và anh BVQ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện G (nay là UBND phường B, quận C), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, quyển số 01/2002, ngày 12-6-2002, nên hôn nhân giữa chị PTPN và anh BVQ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị PTPN, anh BVQ bất đồng quan điểm sống, giữa hai bên không có con chung, cuộc sống vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn, chị PTPN và anh BVQ đã ly thân từ nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị PTPN được ly hôn với anh BVQ; về con chung: Chị PTPN và anh BVQ không có con chung; về tài sản chung: Chị PTPN xác nhận không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PTPN phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện và Biên bản xác minh ngày 06/02/2020 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng tại Công an phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thể hiện: Anh BVQ đăng ký HKTT và cư trú ổn định, thường xuyên tại: Số 13/66 D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị

PTPN với bị đơn là anh BVQ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị PTPN vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn là anh BVQ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điểm a và b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; các điểm a và b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị PTPN và anh BVQ.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân : Chị PTPN và anh BVQ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện G (nay là UBND phường B, quận C), thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 33, quyển số 01/2002, ngày 12-6-2002 nên quan hệ hôn nhận giữa chị PTPN và anh BVQ là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và quan điểm của bị đơn: Chị PTPN cho rằng quá trình chung sống, giữa chị và anh BVQ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp và do hai bên không có con chung; hai bên sống ly thân từ nhiều năm nay và không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, chị PTPN làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho chị PTPN được ly hôn với anh BVQ theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử) cho anh BVQ. Tại Biên bản về việc người được tống đạt từ chối nhận văn bản tố tụng đề ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thể hiện lý do anh BVQ từ chối nhận văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án dân sự số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/01/2020; bản sao đơn khởi kiện của chị PTPN và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện) là: *"Chị PTPN còn nợ vàng của mẹ đẻ anh BVQ nên khi nào chị PTPN trả vàng cho mẹ anh thì anh sẽ đồng ý giải quyết ly hôn"*. Qúa trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh BVQ không tới Tòa án làm việc, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị PTPN. Điều đó thể hiện việc anh BVQ không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Đối với quan điểm của anh BVQ (tại Biên bản về việc người được tống đạt từ chối nhận văn bản tố tụng đề ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Hồng

Bàng, thành phố Hải Phòng, có xác nhận của bà I (Tổ trưởng Tổ dân phố D 3, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng) về việc chị PTPN còn nợ vàng của mẹ đẻ anh BVQ nên anh chưa đồng ý giải quyết ly hôn. Xét thấy, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mẹ đẻ anh BVQ không tới Tòa án làm việc, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án trình bày sự việc mà anh BVQ nêu nên không có căn cứ xem xét, giải quyết. Ý kiến của anh BVQ không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn. Trường hợp sau này, mẹ đẻ anh BVQ có yêu cầu, sẽ được xem xét, giải quyết ở một vụ án khác.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị PTPN và anh BVQ không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị PTPN yêu cầu ly hôn với anh BVQ là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của chị PTPN: Chị PTPN được ly hôn với anh BVQ.

[5] Về con chung: Chị PTPN và anh BVQ không có con chung.

[6] Về tài sản chung : Chị PTPN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị PTPN phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị PTPN được ly hôn anh BVQ.

2. Về con chung: Chị PTPN và anh BVQ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung : Chị PTPN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị PTPN phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008409, ngày 15-01-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị PTPN đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, quận C;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu Chung